TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2025/QĐST-DS	*Thái Nguyên, ngày 30 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Vang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Huyên

2. Ông Hoàng Đình Long

Căn cứ các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý 10/2022/TLST-DS ngày 26/10/2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Vũ Đình C; sinh năm: 1975; nơi cư trú: Thôn HT, xã TM, tỉnh Thái Nguyên;

- *Bị đơn*: Bà Hà Thị B; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn HT, xã TM, tỉnh Thái Nguyên;

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Hà Thị B: Ông Hà Nhân Tiều; sinh năm: 1978; nơi cư trú: Thôn HT, xã TM, tỉnh Thái Nguyên (Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2025)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh Dương Văn H1; sinh năm: 1984; nơi cư trú: Thôn HT, xã TM, tỉnh Thái Nguyên.

+ Bà Nguyễn Thị D: sinh năm: 1973; nơi cư trú: Thôn HT, xã TM, tỉnh Thái Nguyên

+ Chị Vũ Thị H2; sinh năm: 1995; nơi cư trú: Thôn HT, xã TM, tỉnh Thái Nguyên

+ Chị Vũ Thị L3; sinh năm:1997; nơi cư trú: Thôn Ngùi, xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh;

+ Anh Vũ Văn M1; sinh năm: 1999; nơi cư trú: Thôn HT, xã TM, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D, Vũ Thị H2, Vũ Thị L3, Vũ Văn M1: Ông Vũ Đình C; sinh năm: 1975; nơi cư trú: Thôn HT, xã TM, tỉnh Thái Nguyên (Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2025).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quyền sử dụng đất:

Ông Vũ Đình C được quyền sử dụng đất đối với 6.984,0m^2 (Sáu nghìn chín trăm tám mươi bốn phẩy không mét vuông) đất rừng sản xuất thuộc thửa số 53 tờ số 01 bản đồ địa chính xã TM, có vị trí tại thôn HT, xã TM, tỉnh Thái Nguyên, là diện tích đất được giới hạn bởi các điểm mốc 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8 - 9 – 1 trong Mảnh trích đo địa chính kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ. Các mốc 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8 - 9 có tọa độ cụ thể như sau:

ĐIỂM MỐC	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
1	2441230.10	423955.88
2	2441222.35	423973.66
3	2441231.31	423983.89
4	2441191.75	424011.01
5	2441194.84	424020.80
6	2441150.41	424030.31
7	2441160.93	424031.57
8	2441138.41	423966.56
9	2441196.47	423910.43

(Có trích đo địa chính kèm theo)

2.2. Về tài sản trên đất:

Ông Vũ Đình C được quyền sở hữu toàn bộ số cây trên diện tích đất 6.984,0m^2 có thông tin trên. Ông Vũ Đình C có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị B số tiền 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng giá trị cây trên diện tích 6.984,0m^2. Xác nhận ông Vũ Đình C đã trả cho bà Hà Thị B số tiền 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng.

2.3. Về C phí tố tụng: Ông Vũ Đình C tự nguyện chịu 6.499.000 (Sáu triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn) đồng C phí xem xét thẩm định tại chỗ. Bà Hà Thị B tự nguyện chịu 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng C phí xem xét thẩm định tại chỗ. Bà Hà Thị B phải trả cho ông Vũ Đình C 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng C phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận bà Hà Thị B đã trả cho ông Vũ Đình

C số tiền 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

2.4. Về án phí: Ông Vũ Đình C tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001919 ngày 26/10/2022 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (01);
- VKSND khu vực 6 – Thái Nguyên (03);
- THADS tỉnh Thái Nguyên (Phòng KV6); (01)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thị Vang

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọ **Nguyễn Tiến Tùng** **Triệu Thị Vang**

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../...../QĐST-..... [2]	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	...., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN……..

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà)……..

Thẩm phán (nếu Hội đồng xét xử gồm có 5 người): Ông (Bà)……..

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:…/../TLST-....[3] ngày…tháng… năm....

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án

và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:(4)

……..……..….....

……..…….....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:(5)

……..…….....

……..…….....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(6)

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)